TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2026/HNGĐ-ST
Ngày 28-7-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trần Đông

2. Ông Hoàng Sĩ Thạo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Gia Nghi, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 14 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 214/2026/TLST-HNGĐ ngày 28/4/2026, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/6/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 138/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị D, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Trần Thanh T, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1957. Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt

- *Con chung:* Cháu Trần Phúc V, sinh ngày 26/02/2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 02/4/2026 nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày, yêu cầu :

Về hôn nhân, bà và ông Trần Thanh T quen biết và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân xã Đ. Thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng

6/2022 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông T thường xuyên chửi bới vợ con dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung, bà và ông Trần Thanh T có con chung Trần Phúc V sinh ngày 26/02/2018, bà yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày, yêu cầu :

Bà vẫn giữ yêu cầu ly hôn vì không muốn chịu đựng tiếp về áp lực tinh thần do ông T thường nói lời khó nghe, dung tục, lăng mạ cố ý xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà chỉ vì có lần bà nhờ người đàn ông ở gần nhà làm giúp một việc trong nhà nên đã kiếm chuyện ghen tuông vô cớ, áp đặt những chuyện bà không có làm, khi biết ông T không thích việc bà nhờ người khác làm giúp công việc thì bà đã không còn nhờ. Nay bà đã hết tình cảm yêu thương đối với ông T nên kiên quyết yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn.

Bà vẫn giữ yêu cầu nuôi con chung Trần Phúc V sinh ngày 26/02/2018 và không yêu cầu cấp dưỡng. Với thu nhập hàng ngày từ việc làm tóc tại nhà khoảng từ 200.000đ/ngày và có mẹ, anh, chị cùng phụ giúp, hỗ trợ nên bà đủ khả năng, điều kiện nuôi, chăm sóc tốt cho con đến thành niên.

Tài sản chung bà xác nhận có nhà ở cất trên phần đất toạ lạc ấp Đ, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long và một số tài sản khác. Nhưng toàn bộ những tài sản này bà và ông T đã thống nhất tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu chia hoặc tranh chấp khi ly hôn.

Nợ chung bà xác nhận đến ngày xét xử chỉ còn thiếu tiền người anh ruột Lê Hoàng V1 số tiền 190.000.000đ (mượn 250.000.000đ đã trả 60.000.000đ nên còn 190.000.000đ), nhưng do anh Lê Hoàng V1 không yêu cầu vợ chồng bà trả trong vụ án ly hôn và đã định cư ở nước ngoài nhưng bà không biết địa chỉ cư trú cụ thể nên không cung cấp được theo Toà án yêu cầu, số tiền này bà và ông T đã có thoả thuận nếu Lê Hoàng V1 đòi thì cả hai người cùng có nghĩa vụ trả.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn ông Trần Thanh T trình bày, yêu cầu :

Ông không đồng ý ly hôn, vì ông không có lỗi với vợ, con; không từng bạo lực đánh đập vợ, con; hơn nữa ông là trụ cột gia đình nhưng không được vợ tôn trọng, cảm thấy bị xúc phạm khi vợ thường xuyên nhờ ngoài là người đàn ông phụ giúp công việc mà không nhờ ông, vấn đề mâu thuẫn cự cải vợ chồng trong nhà thì gia đình nào cũng có và ông chưa từng có bạo lực đánh đập vợ, con, những lúc cự cãi căng thẳng ông chỉ doạ, không có đánh, theo ông biết nguyên nhân vợ đòi là ly hôn là do có người đàn ông khác nên ông không đồng ý ly hôn.

Ông và vợ có con chung Trần Phúc V sinh ngày 28/02/2018, nếu ly hôn ông đồng ý giao con cho vợ nuôi theo yêu cầu và ông không cấp dưỡng.

Tài sản chung có nhà ở gắn liền với đất toạ lạc ấp Đ, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long; 01 xe máy (xe mô tô) và một số tài sản khác nhưng ông và bà D1 yêu cầu tự thoả thuận, không yêu cầu chia hoặc tranh chấp khi ly hôn,

Nợ chung chỉ còn thiếu tiền người anh vợ tên Lê Hoàng V1 190.000.000đ, số tiền này ông không yêu cầu giải quyết, vì hiện nay Lê Hoàng V1 đang định cư ở nước ngoài nhưng không biết địa chỉ cụ thể nên không cung cấp được theo Toà án yêu cầu, khi nào Lê Hoàng V1 đòi thì ông và bà D đồng ý mỗi người trả ½ nên không yêu cầu giải quyết trong vụ này. Đối với số tiền mượn mẹ vợ tên Trần Thị H 50.000.000đ thì đã trả xong nên không còn yêu cầu gì khác.

- Con chung cháu Trần Phúc V trình bày nguyện vọng như sau:

Cháu là con của cha tên Trần Thanh T và mẹ tên Lê Thị D, cháu đã học hết lớp 2 tại Trường tiểu học Đ, năm sau cháu vào lớp 3, cha mẹ ly hôn không còn ở chung nhau nữa thì cháu muốn ở với mẹ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2026 và tại phiên toà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày, yêu cầu:

Bà là mẹ Lê Thị D và là mẹ vợ Trần Thanh T, việc ly hôn của hai người bà không ý kiến. Riêng về tiền nợ vợ chồng D, T đã mượn trước đây 50.000.000đ thì sau khi Toà án mời hoà giải về thì đã trả hết cho bà nên bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự thực hiện các quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phân tích nội dung vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và diễn biến tại phiên toà, đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81,82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D, cho bà D được ly hôn với ông Trần Thanh T.

Về con chung, chấp nhận giao con chung Trần Phúc V cho bà Lê Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con.

Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí, bà Lê Thị D nộp án phí 300.000 đồng theo quy định.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Lê Thị D khởi kiện ông Trần Thanh T có nơi cư trú tại ấp Đ, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long, về ly hôn, nuôi con. Căn vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân khu vực 14 – Vĩnh Long thụ lý, giải quyết vụ án; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách đương sự là đúng quy định.

[2] Lời trình bày của đương sự cho thấy, bà D và ông T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn, được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 85, quyển số 01, ngày 15/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là UBND xã Đ, tỉnh Vĩnh Long, bút lục 03) nên hôn nhân của hai người là hợp pháp.

[3] Bà D kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn, nguyên nhân vì ông T thường nói lời khó nghe, lăng mạ xúc phạm nhân phẩm, gây sự tổn thương, áp lực tinh thần cho bà. Trước khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án có tiến hành hoà giải tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng không thành. Nhận thấy, qua lời khai của ông T tại các biên bản hoà giải (bút lục 29-32) ông không đồng ý ly hôn vì cho rằng những mâu thuẫn, cự cãi trong cuộc sống gia đình hàng ngày là lẽ thường, nguyên nhân chính bà D đòi ly hôn là vì người đàn ông khác và hay nhờ người đàn ông khác giúp đỡ chuyện trong gia đình, xem thường người chồng là ông. Nhưng thực tế đây là những cái cớ do ông T đưa ra, qua đó cũng cho thấy hai người không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn tiếp tục sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông T.

[4] Bà D yêu cầu nuôi con chung cháu Trần Phúc V và không yêu cầu cấp dưỡng. Qua giấy khai sinh (bút lục 05) thể hiện cháu V đủ từ 07 tuổi trở lên và có ý kiến trình bày nguyện vọng tự nguyện yêu cầu ở với mẹ là bà D (bút lục 46-47). Nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ông T đồng ý giao con chung cho bà D nuôi, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, nguyện vọng của cháu V và tại thời điểm xét xử thể hiện cháu V do bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trong điều kiện đáp ứng các nhu cầu thiết yếu, học tập nên có cơ sở giao cháu V cho bà D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn.

[5] Về quyền tài sản chung, bà D và ông T khai xác nhận có nhà ở gắn liền với đất toạ lạc ấp Đ, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long và các vật dụng sinh hoạt gia đình và một số tài sản khác (bút lục 29-32) nhưng đương sự xác định không yêu cầu chia hoặc tranh chấp khi ly hôn nên không giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ tài sản chung, quá trình giải quyết vụ án bà D và ông T khai xác nhận còn thiếu bà Trần Thị H tiền mượn (vay) 50.000.000đ, thiếu ông Lê Hoàng V1 tiền mượn (vay) 90.000.000đ (bút lục 29-32). Nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2026 (bút lục 38-39), bà H không có yêu cầu độc lập về số tiền này, vì bà D, ông T đã trả dứt nợ. Đối với ông Lê Hoàng V1, qua xác minh

tại địa phương ấp Đ (bút lục 40-41) cho biết tại thời điểm xét xử ông V1 không còn cư trú ở địa phương. Tại phiên toà bà D, ông T không cung cấp được địa chỉ nơi cư trú của ông V1, không yêu cầu giải quyết nợ chung này. Do đó, không có cơ sở đưa ông V1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để làm rõ nợ chung này nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Tuy nhiên nếu thật sự có số nợ chung này, thì sau khi ly hôn ông V1 được quyền khởi kiện yêu cầu trả nợ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[7] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký và đối với việc giải quyết vụ án là có cơ sở, đúng quy định và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào các Điều 9, 51, 53, 56, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D.

1. Về hôn nhân:

Cho bà Lê Thị D ly hôn với ông Trần Thanh T.

2. Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung:

Giao cháu Trần Phúc V sinh ngày 28/02/2018 cho bà Lê Thị D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, nguyện vọng của cháu V (đủ 07 tuổi) yêu cầu được ở với bà bà D.

Về cấp dưỡng nuôi con, Toà án có giải thích quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con, nhưng đương sự không yêu cầu giải quyết chung trong vụ án nên không xem xét, giải quyết (sau khi ly hôn đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn

chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quyền, nghĩa vụ tài sản chung (tài sản chung, nợ chung):

Không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị D chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: 0007764 ngày 23/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp tiếp. Ông Trần Thanh T không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71 và Điều 72 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 14 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã/phường nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kim Thị Hồng Nga